

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

----- o0o -----



LILAMA 3

kết liên sức mạnh ®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Lô 24, 25 KCN Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội

Năm báo cáo: 2015

Mê Linh, tháng 04 năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

----- oOo-----



LILAMA 3

kết liên sức mạnh ®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Lô 24, 25 KCN Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội

Năm báo cáo: 2015

Mê Linh, tháng 04 năm 2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015
/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố
thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**
Địa chỉ : **Lô 24+25 KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội**
Năm báo cáo: **2015**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:

Tên tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Biểu tượng:

Công ty Cổ phần LILAMA 3

LILAMA 3 Joint Stock Company

LILAMA 3.,JSC



LILAMA 3

kết liên sức mạnh ®

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

2600104526 (Đăng ký lần đầu ngày 22/06/2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08/09/2014)

Vốn điều lệ:

51.500.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Địa chỉ:

L ô 24+25 KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

Điện thoại

04. 3 8182554

Fax

04. 3 8182550

Website

www.lilama3.vn

Mã cổ phiếu

LM3

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tiền thân là Công trường lắp máy C1 Việt Trì được thành lập vào ngày 01/12/1960. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển đến nay. Với gần 1000 cán bộ nhân viên, công nhân kỹ thuật lành nghề cùng hệ thống thiết bị thi công tương đối hiện đại, Công ty đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình trên thị trường từng bước hội nhập với sự phát triển của khu vực và thế giới. Với bề dày lịch sử phát triển hơn nửa thế kỷ, các dự án, công trình do Công ty đảm nhiệm thi công đã và đang hoạt động tốt mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước như: Nhà máy nhiệt điện : Phả Lại, Uông Bí, Phú Mỹ, Nhiệt điện BARH - Ấn Độ, Nhiệt điện An Khánh, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt Điện Mông Dương; Nhiệt Điện Duyên Hải 3; Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4 ...; Thủy điện: Hoà Bình, Trị An, YALY, thủy điện Ngòi Phát; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : Xi măng Chinfon Hải Phòng, Bim Sơn, Nghi Sơn, Bút Sơn Cẩm Phả, Yên Bình, Yên Bái, Xi măng Sông Thao, Hồng Phong – Lạng Sơn; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Việt Trì, Tissue Cầu Đuống, Nhà máy sản xuất hoá chất: Supe phốt phát lâm thao, Tuyển quặng Apatit Lào cai, Giấy Phương Nam, Nhà máy chế biến bột CACOO3 Bắc Kạn, các nhà máy công nghiệp thực phẩm : Rượu Bia Hà Nội, Rượu Bia Viger, Đường Quỳ Hợp, Bia Tiger, Dự án Đóng sòng vận chuyển vật liệu cho Nhà máy Xi măng Yên Bình, Dự án Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia, Trung tâm thể thao Quốc gia, Công trình Hòn Đa Việt Nam, Nhà máy YAMAHA Việt Nam, nhà máy điện tử SANKOH Hoà Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Chế tạo kết cấu thép SHIP RAIL cho Nhật, Chế tạo Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, Chế dầm thép cho công trình Cầu Nhật Tân, Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng, Nhà máy Gang thép Thái Nguyên Mở rộng....

Tháng 6/2006, Công ty đã thực hiện quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 3 với vốn điều lệ là 11,5 tỷ đồng, đến tháng 6/2007 công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 51,5 tỷ đồng. Theo định hướng chiến lược phát triển đến năm 2010 và các năm tiếp theo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân. Cùng với sự đầu tư đúng hướng về con người Công ty còn quan tâm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo chất lượng của các công trình đáp ứng những đòi hỏi khắt khe nhất của khách hàng. Với năng lực hiện có và kinh nghiệm thu được khi hợp tác với các tập đoàn lớn trên thế giới như ABB, Hyundai, Jacobsen, MaRuMeNi... để phát triển công ty trong những năm tới công ty luôn tìm và mở rộng các đối tượng khách hàng mở rộng thị trường kinh doanh mới. Đồng thời nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm trên cơ sở được công ty đầu tư tại Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc phục vụ cho thị trường sản xuất các sản phẩm cơ khí và các cấu kiện phục vụ cho các dự án xây dựng công trình lọc dầu, NM nhiệt điện, thủy điện, NM sản xuất giấy, xi măng, bên cạnh đó công ty cũng đang quan tâm tới công nghệ mới trong xây dựng nhà cao tầng với kết cấu dầm thép để tham gia sâu vào lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng hiện đại, ngoài ra công ty cũng tìm kiếm và phát triển lĩnh vực kinh doanh sang các đối tác nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức

Tháng 12 năm 2009 cổ phiếu của công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với:

Tên chứng khoán : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần LILAMA 3**
Mã chứng khoán : **LM3**
Số lượng cổ phiếu niêm yết : **5.150.000 cổ phiếu**

Việc thành lập các công ty con:

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.4: Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3
- Công ty Cổ phần LILAMA 3.3: Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3
- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO được thành lập và được Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp giấy chứng nhận số: 012022000320 ngày 14/07/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. *Ngành nghề kinh doanh:*

- ✚ Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ôxy, que hàn, đá...);
- ✚ Khảo sát, thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc
- ✚ Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực thực phẩm;
- ✚ Thi công xây dựng: San ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ....
- ✚ Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; công trình dân dụng (nhà ở) giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng; đường dây tải điện và trạm biến thế;
- ✚ Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; trang trí nội thất công trình;
- ✚ Chế tạo và lắp đặt: Thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- ✚ Thiết kế, đóng mới tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn; sửa chữa các loại tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- ✚ Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- ✚ Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, xăng dầu, khí hóa lỏng và chất đốt các loại;
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- ✚ Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ và đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường thủy, đường bộ

2.2. *Địa bàn hoạt động:*

Do tính chất đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm xây dựng cơ bản các công trình, Dự án xây lắp ở địa bàn xa trụ sở, Công ty đang thực hiện thi công rất nhiều các hạng mục công trình trọng điểm như:

- ✚ Tỉnh Hà Tĩnh: Dự án NM Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Tập đoàn dầu khí Quốc gia làm chủ đầu tư, Dự án NM thép Formosa Hà Tĩnh...
- ✚ Tỉnh Lào Cai: Dự án lắp dựng nhà máy tuyển quặng Apatit do Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam làm chủ đầu tư; Dự án Thủy điện Ngòi Phát do Công ty CP Phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) làm chủ đầu tư, ...

✚ Tỉnh Thái Nguyên: Xây dựng và lắp đặt Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Tisco do Công ty CP Gang thép Thái nguyên làm chủ đầu tư; ...

✚ Tỉnh Thái Bình: Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

✚ Tỉnh Thanh Hóa: Công trình nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn

✚ Và một số địa bàn khác như Duyên Hải – Trà Vinh, Nhơn Trạch – Đồng Nai, Vĩnh Tân 4- Bình Thuận , Phú Mỹ 2..

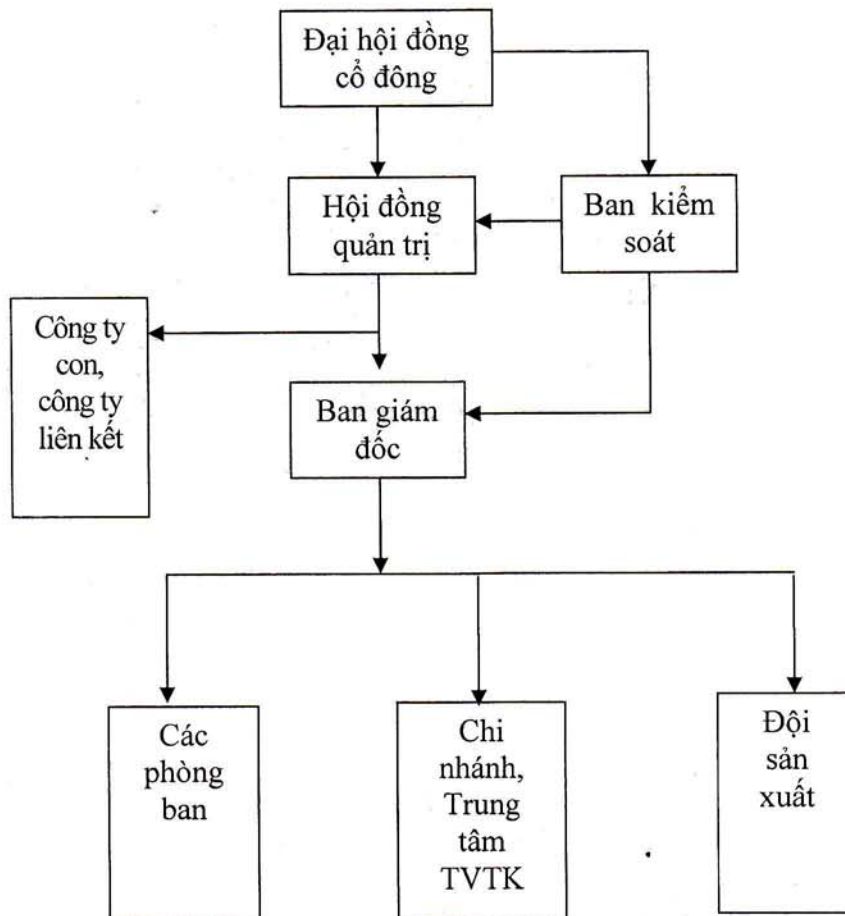
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu và người được cổ đông ủy quyền đều được tham dự ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết:

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.4:** Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3 và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600658877.

+ Trụ sở chính: tại 931, Đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Đăng ký lần đầu, ngày 06/01/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17/06/2010 và thay đổi lần 4 ngày 10/02/2012 với Vốn điều lệ: 6.000.000.000.đồng (Sáu tỷ đồng) Công ty CP LILAMA 3 góp 51% vốn điều lệ tương ứng với: 3.060.000.000 đồng, các thể nhân khác góp 49% vốn điều lệ tương ứng với: 2.940.000.000.đồng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, gia công kim loại; lắp đặt hệ thống điện nước; gia công cơ khí, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng, đường sắt, đường bộ; Kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xăng dầu và vật liệu xây dựng ...

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.3:** Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3 và Giấy chứng nhận Kinh doanh được Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp.

+ Trụ sở chính: Lô 24 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Đăng ký lần đầu: Giấy chứng nhận số 0104489681 ngày 12/02/2010, thay đổi lần 1 ngày 24/03/2010 với số vốn điều lệ là: 9.500.000.000 đồng trong đó vốn do Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 4.845.000.000 đồng tương đương 51% số cổ phần chi phối, Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh góp 950.000.000 đồng tương đương 10% số cổ phần chi phối, các cổ đông khác góp 3.705.000.000 đồng chiếm 39% số cổ phần chi phối.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, các sản phẩm thiết bị gia dụng, các sản phẩm máy móc thiết bị; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng...

- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO (Công ty liên doanh)

+ Địa chỉ: Lô 24, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Giấy phép kinh doanh số 012022000320-KD cấp lần đầu ngày 30/09/2012 với số vốn điều lệ là 11.400.000.000 đồng Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 5.814.000.000.000đ tương đương 51% VDL Công ty DAI NIPPON TORYO Nhật Bản góp: 5.586.000.000.000đ tương đương 49% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Thực hiện quyền nhập khẩu; quyền xuất khẩu; quyền phân phối buôn bán, bán lẻ các hàng hóa: Sơn, vecni làm từ các loại Polyme tổng hợp hoặc polymer tự nhiên; matit để gắn kính, ghép nối các vật liệu; thiết bị cơ khí để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực; các loại máy trộn, máy nhào, máy xay...

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty:

+ Mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh trong nước, khu vực và thế giới.

+ Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường chiến lược dọc theo hành lang Sông thao, khu vực lân cận và thị trường miền trung.

+ Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

+ Chú trọng khai thác tiềm năng chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu sản xuất, nâng cao tỷ trọng chế tạo thiết bị trong tổng doanh thu để giảm bớt các yếu tố rủi ro trong ngành xây lắp.

+ Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: sản xuất kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp....

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Năm 2015 mặc dù có một số tín hiệu tích cực như: lạm phát giảm, lãi suất cho vay của Ngân hàng đang có xu hướng giảm. Tuy nhiên nền kinh tế của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng vẫn còn rất khó khăn do chưa thoát khỏi ảnh hưởng của suy thoái kinh tế. Trong năm 2015, LILAMA 3 sẽ tiếp duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, khai thác tiềm năng chế tạo sản phẩm cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài, hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài để thực hiện một số dự án thi công các công trình xây dựng cơ bản trong nước (Các nhà máy hóa chất, thủy điện, nhiệt điện, Giấy...)

Về dự án Nhà máy đóng tàu Bạch hạc: Năm 2013, Công ty đã thực hiện cơ cấu tài chính các khoản nợ vay đầu tư của Dự án đồng thời thực hiện bàn giao đưa nhà máy vào hoạt động, thực hiện kiểm toán chi phí đầu tư dự án để có cơ sở tăng TSCĐ và tính toán hiệu quả chi phí đầu tư.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Là một đơn vị sản xuất sản phẩm xây lắp có chu kỳ sản xuất dài, sản xuất thi công tại các địa bàn khác nhau ở trong nước song LILAMA3 luôn luôn xác định mục tiêu: Đảm bảo về môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh phát triển mô hình cũng như tìm kiếm các nguồn lực sản xuất, Công ty luôn chú trọng tới việc vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với những việc cụ thể như cung cấp nước sạch hợp vệ sinh và điều kiện môi trường nơi sinh sống, cải thiện điều kiện ở của công nhân tại các công trường; hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, đồng thời tích cực phòng ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp. Với xã hội và cộng đồng, LILAMA3 luôn cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. LILAMA3 đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định của tất cả người lao động. LILAMA3 có rất nhiều mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp, nỗ lực tạo niềm tin và định hướng phát triển của Công ty trong tương lai với các đối tác.

5. Các rủi ro (Các rủi ro được trình bày cụ thể trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 – Mục VII: Phần thuyết minh Báo cáo tài chính)

Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

✦ *Hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Trong năm 2015 Công ty đã tập trung thi công một số các dự án như: Công trình Nhiệt Điện Duyên Hải 3, Công trình Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4; Công trình tại NM nhiệt điện Mông Dương 1, Sửa chữa đầu tư nâng cấp các dây chuyền sản xuất NM giấy bãi bằng của Tổng công ty Giấy VN, Công trình NM sửa chữa tàu biển Nosco Vinaline, thi công trạm biến áp 220KV KCN Phú Mỹ 2 – Bà Rịa, Vũng Tàu; công trình Fomosa Hà Tĩnh, Công trình Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3- Đồng Nai, Công trình Đá trắng Sơn Nam-Nghệ An, Công trình Lọc hóa dầu Nghi Sơn

Kết thúc năm tài chính 2015, theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) doanh thu đơn vị đạt 163.330.716.769, đồng, lợi nhuận sau thuế lỗ - 49.427.840.136, đồng.

Trong năm 2015 một số các công trình đã dừng thi công đã khởi động lại như Dự án Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, dự án Thủy Điện Ngòi Phát. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 của đơn vị là số âm nguyên nhân do một số công trình Chủ đầu tư không bố trí được nguồn vốn hoặc thiếu vốn dẫn tới các công trình xây lắp mà đơn vị là một trong những nhà thầu đã và đang thi công bị ảnh hưởng trực tiếp như Dự án NM Gang thép Thái Nguyên; kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị liên tục giảm, thu hồi vốn gặp rất nhiều khó khăn. Việc đầu tư vào các Công ty con không đạt hiệu quả, một số Công ty con mất cân đối tài chính và lỗ đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung. Mặt khác, do dự báo thị trường không chính xác và suy thoái kinh tế thế giới nên Dự án đầu tư Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu tại Bạch Hạc Phú Thọ với tổng chi phí đầu tư hơn 260 tỷ của đơn vị không hiệu quả, dự án đang trong giai đoạn quyết toán trong khi nhà máy đã xuống cấp, phát sinh thêm nhiều chi phí sửa chữa, sản phẩm chế tạo nắp hầm hàng tàu biển của nhà máy đã bị thay đổi so với mục tiêu đầu tư ban đầu của dự án, đơn vị buộc phải lựa chọn thay thế sản phẩm như chế tạo phi tiêu chuẩn cho Nhà máy nhiệt điện, nhà máy xi măng, chế tạo kết cấu thép khác...nhưng vẫn không đem lại hiệu quả, không thể bù đắp được chi phí lãi vay tăng cao và chi phí khấu hao của nhà máy. Điều này đã ảnh hưởng đến toàn bộ kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị trong những năm qua. Do đó với nguyên nhân cơ bản trên, tổng số lỗ lũy kế của Công ty từ năm 2012 đến ngày 31/12/2015 là 114,7 tỷ đồng.

✦ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2015 là năm tài chính thứ mười của Công ty cổ phần LILAMA 3 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Tổng doanh thu	: 163.330.716.769 đồng	- đạt 48,09 %
- Tổng lợi nhuận trước thuế	: - 49.427.840.136 đồng	
- Thu nhập bình. quân người/ tháng	: 6,3 triệu đồng	- đạt 101,61 %

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. *Danh sách ban điều hành:*

Ban điều hành Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc, ba Phó tổng giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết được thông qua hợp thức.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Quốc Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Công Hoan	Kế toán trưởng	

Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành công ty:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành – Tổng giám đốc công ty.

Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/10/1974
Số CMTND	012546316
Nơi sinh	Yên Bái
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xuân Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	Tổ 70B-Láng Hạ-Đống Đa-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ 09/1997 đến 10/2001: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.- Từ 11/2001 đến 9/2003: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội.- Từ 10/2003 đến 3/2006: Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng số 3.- Từ 04/2006 đến Tháng 7/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.- Từ Tháng 9/2011 đến nay: Tổng giám Đốc Công ty CP LILAMA3
Chức vụ công tác hiện nay	Tổng Giám Đốc Công ty CP LILAMA3

2. Ông: Nguyễn Tăng Phụng – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	27/12/1965
Số CMTND	011304477
Nơi sinh	Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 3-548/15 Nguyễn Văn Cừ-Long Biên-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	0210.3910.510
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 08/1989 đến 05/1996: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 06/1996 đến 08/1998: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 09/1998 đến 07/2000: Phó trưởng đại diện LILAMA tại dự án Nhiệt điện Phả Lại. - Từ 08/2000 đến 04/2001: Học viên Trường đào tạo cán bộ ngành xây dựng. - Từ 05/2001 đến 09/2001: Trưởng đại diện LILAMA Granit Tiên Sơn. - Từ 10/2001 đến 09/2006: Phó Giám đốc Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng. - Từ 10/2006 đến 09/2007: Phó giám đốc Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm. - Từ 10/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

3. Ông: Trịnh Xuân Thành – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/07/1974
Số CMTND	132031997

Nơi sinh	Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Bắc – Hà Trung – Thanh Hoá
Địa chỉ thường trú	TT Quỳnh Hợp - Quỳnh Hợp - Nghệ An
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 12/1996 Công tác tại Xí nghiệp cơ khí & Lắp máy – Công ty Lắp máy và XD số 3 (nay là Công ty CP LILAMA 3) - Từ tháng 3.2009 Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật – Cty CP LILAMA 3 - Từ tháng 7/2010 Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty

4. Ông Đỗ Quốc Đoàn – Phó tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	01/08/1979
Số CMTND	145036125
Nơi sinh	Mẽ Sở - Văn Giang – Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Văn Giang – Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Mẽ Sở - Văn Giang – Hưng Yên
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	- Từ tháng 1/2003 đến tháng 8/ 2003: Kỹ sư nhà

máy Vinacafe

- Từ tháng 8/2003 đến tháng 11/2003: Kỹ sư cơ khí Công ty V.A.P
- Từ tháng 11/2003 đến tháng 3/2007: Kỹ thuật thi công Xí nghiệp LILAMA3.2 – Công ty CP LILAMA3
- Từ tháng 3/2007 đến tháng 1/2010: Phó giám đốc Xí nghiệp LILAMA3.2
- Từ tháng 01/2010 đến tháng 11/2013: Giám đốc xí nghiệp LILAMA3.2
- Từ tháng 12/2013 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3

Chức vụ công tác hiện nay

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA3 theo quyết định số 118 ngày 19/11/2012 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA3.

5. Ông Phạm Công Hoan - Kế toán trưởng:

Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/08/1959
Số CMTND	164135741
Nơi sinh	Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ 06/1977 đến 10/1982: Bộ đội C14D6E856- Quân khu 3.- Từ 11/1982 đến 10/1984: Công nhân xí nghiệp lắp máy 69.- Từ 11/1984 đến 07/1987: Học sinh trường

- trung học Xây dựng số I.
- Từ tháng 08/1987 đến 05/1994: Kế toán xí nghiệp lắp máy 69-1.
 - Từ 06/1994 đến 11/1995: Phó phòng kế toán xí nghiệp 69-2.
 - Từ 12/1995 đến 05/2002: Trưởng phòng Tài vụ công ty cơ khí lắp máy.
 - Từ 06/2002 đến 12/2003: Trưởng phòng Tài vụ Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
 - Từ 01/2004 đến 03/2006: Kế toán trưởng Công ty lắp máy và xây dựng số 3.
 - Từ 04/2006 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần LILAMA 3.

Chức vụ công tác hiện nay

Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Danh sách Ban điều hành Công ty:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc	824.000	16%	77.301	1,50%	
2	Ông Nguyễn Tăng Phượng	Phó tổng giám đốc			9.500	0,184%	
3	Ông Trịnh Xuân Thành	Phó tổng giám đốc			8.392	0,163%	
4	Ông Đỗ Quốc Đoàn	Phó tổng giám đốc			5.000	0,097%	
5	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	772.500	15%	77.648	1,51%	

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên trong năm:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân năm 2015: 535 lao động

+ Chính sách đối với người lao động: Trong năm 2015 mặc dù kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng công ty vẫn đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động, thanh toán lương hàng tháng và giải quyết kịp thời các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, chú trọng và nâng cao đời sống cả về tinh thần và vật chất của cán bộ công nhân viên tại các công trường, 100% Công nhân vào làm việc tại công ty đều được ký hợp đồng lao động. Hàng năm, Công ty có tổ chức Hội nghị người lao động nhằm mục đích lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của người lao động về các chính sách lao động, thỏa ước tập thể từ đó Công ty đưa ra những chính sách phù hợp và có lợi ích nhất cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án; tình hình hoạt động và tài chính các công ty con, công ty liên kết:

3.1. **Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2014 Công ty cổ phần LILAMA3 tạm dừng thực hiện toàn bộ các dự án đầu tư, tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán các dự án, trong đó trọng điểm là quyết toán vốn đầu tư của dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc.

3.2. **Tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, công ty liên kết:**

1. Công ty cổ phần LILAMA3.4.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2015 kết quả hoạt động SXKD và các chỉ tiêu kinh tế tài chính của công ty không đạt được như đã đề ra nguyên nhân do những khó khăn chung của nền kinh tế, lãnh đạo công ty có năng lực yếu kém không phát huy được vai trò chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Mô hình quản lý yếu kém còn tồn tại nhiều khuyết điểm chưa thể khắc phục. Đến thời điểm 31/12/2015, hoạt động của Công ty phụ thuộc vào nguồn vốn vay và các khoản vay này đều đã quá hạn thanh toán. Công ty không thể tái đàm phán hoặc đạt được các thỏa thuận tài chính thay thế do đó tình hình tài chính của đơn vị gặp rất nhiều khó khăn, nguy cơ dẫn đến tình trạng phá sản rất cao.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP LILAMA3.4:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	28.969	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.591	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-2.670	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	2.685	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng		

2. Công ty cổ phần LILAMA3.3

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2015 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Các chỉ tiêu kinh tế thực hiện năm 2015 không đạt được so với nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2015 như Doanh thu chưa thuế chỉ đạt 28,03%, Lợi nhuận trước thuế

đạt -779%, số lao động bình quân sử dụng năm 2015 đạt 75,71%. Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch SXKD do cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP LILAMA3.3:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	45.183	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	41.774	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-3.230	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-273	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-3.504	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-3.504	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng	0	

- Kế hoạch SXKD năm 2016: Tiếp tục duy trì quan hệ với các khách hàng cũ, tăng cường tìm kiếm thông tin của các dự án mới, chào mức giá phù hợp để có thêm việc làm, năng động hơn trong công tác tiếp thị. Phát triển thêm phần việc lắp đặt; chú trọng nâng cao chất lượng, cải tiến kỹ thuật; mỹ thuật đối với các sản phẩm. Hình thành tác phong, ý thức, quy trình kiểm soát, giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá chi phí.

3. Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2015 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD cho nên kết quả không đạt được so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do giá bán cao hơn so với các đối thủ cạnh tranh, việc thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế và đối với một số đối tác là thành viên của LILAMA.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH LILAMA3 – Dai Nippon Toryo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	16.570	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	21.173	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-4.353	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	216	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-4.137	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-4.137	

- Kế hoạch SXKD năm 2016: Công ty đang thúc đẩy kế hoạch xây dựng nhà máy sản xuất sơn và nhà kho thành phẩm, tạo dựng thị trường trong nước, thu hút các nhà đầu tư vào dự án nhà máy, đồng thời thúc đẩy việc thu hồi công nợ đối với khách hàng nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo lợi ích đối với cán bộ công nhân viên trong công ty.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng (+) /giảm (-)
- Tổng tài sản	735.195	639.547	-13,1%
- Doanh thu thuần	183.151	163.330	-10,9%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-35.781	-46.097	-28,8%
- Lợi nhuận khác	623	-3.329	-434,3%
- Lợi nhuận trước thuế	-35.158	-49.427	40,5%
- Lợi nhuận sau thuế	-35.158	-49.427	40,5%
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	0		

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	0,87	0,686	
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,39	0,28	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,99	1,064	
- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	92,34	-16,391	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	0,64	0,753	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,25	0,255	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	-0,191	-0,302	
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	-0,682	-0,959	
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	-0,048	-0,077	
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	-0,195	-0,282	
-			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. **Cổ phần:** Tổng số cổ phần của Công ty CP LILAMA3 đã phát hành là 5.150.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại là 5.150.000 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phiếu

- Số lượng cổ phần dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
 - Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0%
- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp: Không có.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 đã thông qua việc thay đổi người đại diện vốn Nhà nước và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, đến thời điểm hiện nay cơ cấu vốn góp của thành viên góp vốn trong nước trước đại hội cổ đông thường niên năm 2016 là:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gồm	124- Minh Khai - Hà Nội	2.563.600	25.636	49,78%
	- Ông Phan Kim Lân	Thọ Lão - HBT - HN	967.100		18,78%
	- Ông Nguyễn Tiến Thành	Đông Đa - Hà Nội	824.000		16%
	- Ông Phạm Công Hoan	TX. NBình – T. NBình	772.500		15%
2	Các tổ chức khác		238		
	Công ty CP chứng khoán MB	Tầng M3-7 số 3 Liễu Giai, Ba Đình, HN	63		
	Công ty CP chứng khoán FPT	71 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội	98		
	Công ty CP chứng khoán Sài Gòn	72 Nguyễn Huệ, Q1, TP HCM	30		
	Công ty CP chứng khoán Tân Việt	Tầng 5, 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	14		
	Công ty CP chứng khoán đầu tư Việt Nam	Tầng 1, tòa nhà VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hn	33		
3	Sở hữu cá nhân		2.586.400		
3.1	Ông Phan Kim Lân	Hai Bà Trưng - HN	102.298	1,022,980	3,93%
3.2	Ông Phạm Công Hoan	P. Ninh Bình – TX. NBình – T. NBình	77.648	776,480	1,51%
3.3	Ông Đỗ Huy Vũ	Phú Thượng – Hà Nội	49.408	494.080	0,96%
3.4	Ông Nguyễn Tiến Thành	Đông Đa- Hà Nội	77.301	773.010	1,50%

3.5	Các cá nhân khác		2.279.745	22.797.450	44,27%
4	Cổ đông nước ngoài		33.800		
4.1	Yukiyoshi Taguchi	Japan	20.800		
4.2	Lix Wan Chu	Taiwan	13.000		

- Thông tin chi tiết về Cổ đông sáng lập là tổ chức:

TT	Tên cổ đông	Ngành nghề	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai – HN	2.563.600 CP	49,78%	Giảm

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập là cá nhân:

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Phan Kim Lân	1960	Đông Mác - Thọ Lão – HBT – Hà Nội	Tổng giám đốc	102.298	3,93%	Tăng
2	Đỗ Huy Vũ	1974	Phú Thượng – Hà Nội		49.408	0,96%	Giảm
3	Phạm Công Hoàn	1959	P Ninh Bình – TP Ninh Bình - Ninh Bình	Kế toán trưởng	77.648	1,51%	Tăng
4	Vũ Văn Định	1958	Phố Huế - Hai Bà Trưng – Hà Nội		0	0%	Giảm

II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2015.

Ngay từ đầu năm mặc dù HĐQT và ban điều hành đã rất chủ động, quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn không đạt được kết quả như nghị quyết đã đề ra cụ thể.

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Đạt (%) KH
1	Doanh thu chưa thuế VAT	Tỷ VND	339,637	163,330	48,09%
2	Nộp ngân sách	Tỷ VND	28,096	7,3	25,98%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	17,339	-49,427	-285,063%
4	Thu nhập bình quân	Tr. VND	6,2	6,3	101,6%
5	LĐ sử dụng bình quân	Người	719	535	74,4%
6	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	0%

Đánh giá chung:

Năm 2015, công trình Gang thép Thái nguyên vẫn dừng thi công do chủ đầu tư chưa thu xếp được vốn, một số dự án dừng thi công đã tái khởi động lại như CT Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, CT Thủy Điện Ngòi phát. Tuy nhiên việc quyết toán và thu hồi vốn gặp rất nhiều khó khăn, kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ của công ty từ năm 2012 đến nay dẫn đến việc Công ty không thể tham gia đấu thầu mà chỉ làm nhà thầu phụ cho các nhà thầu chính, việc này ảnh hưởng lớn tới việc chủ động khai thác và tìm kiếm thị trường, do vậy các chỉ tiêu kinh tế về Doanh thu không đạt kế hoạch, lợi nhuận trước thuế là số âm, lũy kế số lỗ đến 31/12/2015 của Công ty là: 114.709.220.133, đồng (trong đó lỗ năm 2015 là 49.427.840.136, đồng)

Mặt khác trong thời gian 2008 -2012 Công ty triển khai và thực hiện công tác đầu tư nhà máy đóng tàu bạch hạc với tổng mức đầu tư hơn 260 tỷ đồng. Tuy nhiên do suy thoái kinh tế, sản phẩm đầu ra của nhà máy không được không được bao tiêu. Thị trường sản xuất sản phẩm cơ khí gặp rất nhiều khó khăn. Chi phí lãi vay từ dự án và chi phí khấu hao của nhà máy bình quân mỗi năm lớn hơn 30 tỷ đồng. Sản phẩm đầu ra của nhà máy rất thấp và không thể bù đắp được các chi phí lãi vay và chi phí khấu hao từ Dự án, do đó đã ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận sau thuế của công ty.

2. Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý

- Phương án thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức Công ty mẹ: Thực hiện tinh giảm biên chế và sáp nhập các phòng ban nhằm quản lý đồng bộ đã đem lại hiệu quả hơn.
- Việc khai thác nhà máy Bạch Hạc sau đầu tư: Công ty đã chấm dứt việc cho Công ty I.L.LAMA3.3 thuê nhà máy từ ngày 01 tháng 08 năm 2015, làm thanh lý hợp đồng thu hồi Nhà máy. Công ty trực tiếp quản lý, khai thác và sử dụng. Thời gian qua bên cạnh việc gia công chế tạo tại Nhà

máy Công ty đã cho thuê mặt bằng phần diện tích hiện chưa có nhu cầu sử dụng và khai thác dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại cảng.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2016 và trong tương lai:

3.1. Định hướng chiến lược năm 2016:

Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA 3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Hợp tác với các đơn vị có khả năng tài chính để cùng hợp tác tham gia thi công các dự án trọng điểm;

- Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: Sản xuất và kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp,...

3.2. Kế hoạch SXKD năm 2016:

Trong bối cảnh tình hình chung như vậy, trên cơ sở khả năng và nội lực hiện tại của Công ty, phân tích các yếu tố và khả năng dự báo, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Ghi chú
1	Doanh thu chưa thuế VAT	Tỷ VND	163,330	264,557	
2	Nộp ngân sách	Tỷ VND	7,3	11,66	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	- 49,427	- 51,476	
4	Thu nhập bình quân	Tr. VND	6,3	6,2	
5	LĐ sử dụng bình quân	Người	535	670	
6	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	
7	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ VND		2,00	

- Trong năm 2016, HĐQT và ban điều hành chỉ đạo quyết liệt trong công tác quyết toán Dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu, công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án đơn vị thi công (bao gồm cả công tác thanh quyết toán các hợp đồng giao khoán các đơn vị nội bộ và công ty con).

- Tiếp tục ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016. Phân đầu giữ vững thị trường chế tạo sản phẩm cơ khí, sửa chữa bảo dưỡng bảo trì các dự án NM xi măng, NM giấy và hóa chất đã thực hiện trong năm 2015 và các năm trước.

- Đảm bảo công ăn việc làm và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động

- Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra trong năm 2016

- Tiếp tục tham gia và đẩy mạnh công tác nghiên cứu đề án khoa học của Bộ xây dựng đưa ra về

- Ổn định thị trường xuất khẩu sản phẩm cơ khí, giữ vững mối quan hệ với các đối tác nước ngoài như GEDI, CRI, Hansol, KC Cottrell VN

- Do trong năm 2015, Công ty thực hiện thi công các công trình với yêu cầu kỹ thuật, trang thiết bị cao, các công trình lại trải dài khắp nước. Trong khi sau một thời gian không đầu tư mới, đến nay trang thiết bị phục vụ thi công của Công ty trong tình trạng thiếu, cũ không đáp ứng đủ yêu cầu phục vụ thi công. Tuy nhiên do tình hình tài chính còn nhiều khó khăn vì vậy trong năm 2016, HĐQT xác định chỉ thực hiện đầu tư những trang thiết bị có giá trị đầu tư nhỏ (máy hàn, máy nén khí, máy khoan ..) mà chưa thực hiện đầu tư các trang thiết bị có giá trị lớn với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2 tỷ đồng.

3.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016

Trong năm 2016, HĐQT và ban điều hành sẽ tập trung thực hiện đề án tái cơ cấu và nâng cao năng lực quản trị, trong đó nhấn mạnh các vấn đề sau:

- Quyết liệt triển khai công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn của các công trình còn dở dang chuyển tiếp từ năm 2015 và các năm trước.

- Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo hoàn thành công tác thi công các dự án mới trong năm 2016 như Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa; Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2; Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3; Nhà máy nghiền đá Nghệ An; Dự án Nhà máy thép Formosa Hà Tĩnh, Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4; Dự án Cục Viễn Thông..

- Hoàn thiện và nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

- Thực hiện các biện pháp đồng bộ để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Khai thác hiệu quả dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu nhằm đảm bảo một phần nguồn khấu hao tài sản và trả lãi vay vốn đầu tư của Dự án.

- Cơ cấu tài chính thông qua việc chuyển nhượng các dự án, thiết bị khai thác không hiệu quả: Đến nay đã thực hiện được việc chuyển nhượng 02 cầu trục (10 và 16 tấn) 01 cần trục bánh lốp; cho thuê văn phòng 927 đại lộ Hùng Vương – Việt Trì – Phú Thọ. Chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền với 11.000 m² đất giai đoạn II dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu, cho thuê cầu cảng.

- Thoái vốn của Tổng công ty tại LILAMA 3 và thoái vốn của LILAMA 3 tại các công ty con.
Cụ thể:

+ Việc thoái vốn của Tổng công ty tại LILAMA 3: Tháng 6/2015 đã hoàn thành việc thoái 62.900 cổ phần của Tổng Công ty tại LILAMA3 để giảm tỷ lệ vốn góp của LILAMA tại LILAMA3 xuống còn 49,77%

+ Thoái vốn tại các Công ty con: chưa thực hiện được, hiện mới chỉ dừng ở chủ trương và xây dựng phương án thoái vốn. Chưa tìm kiếm được nhà đầu tư.

4. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) – (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Công ty

HDQT đánh giá, với tình hình ngành xây lắp trong nước cũng như quốc tế gặp nhiều khó khăn kết quả kinh doanh tuy không đạt so với kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung đây là một kết quả rất đáng khích lệ và đánh giá cao sự nỗ lực, chỉ đạo sát sao của Ban Điều hành, các phòng ban, đơn vị sản xuất và cố gắng nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty. Bên cạnh những chỉ tiêu đã đạt được như trong báo cáo, HDQT công ty đã nghiêm túc nhìn nhận khuyết điểm và những tồn tại trong công tác điều hành và quản trị:

- Công tác dự báo còn chậm, chưa theo kịp diễn biến của nền kinh tế.
- Trong công tác điều hành về thi công, nghiệm thu, thu hồi vốn của Công ty còn có một số bất cập dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh chưa cao.
- Chưa đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm công việc dẫn đến số dự án mới ký được còn hạn chế.
- Việc bố trí, sắp xếp mô hình, lực lượng sản xuất còn chưa hợp lý, chưa điều chỉnh kịp thời theo nhu cầu thực tế đặt ra.
- Chưa có phương án tốt nhất để khai thác và sử dụng cơ sở vật chất dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu dẫn đến nguồn vốn khấu hao để thanh toán nợ gốc và lãi vay thiếu hụt nghiêm trọng.
- Việc thực hiện tái cơ cấu của Công ty mẹ, các công ty con chậm, chưa quyết liệt.
- Chưa chỉ đạo quyết liệt trong vấn đề nợ đọng lương của người lao động, vẫn để xảy ra tình trạng chậm lương trên 2 tháng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

- Các thành viên Ban giám đốc Công ty cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, báo cáo thông tin cho thành viên HDQT độc lập, kịp thời đầy đủ, thường xuyên trao đổi với thành viên HDQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.
- Các thành viên ban giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của HDQT

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- **Về mô hình quản lý:** Thu nhỏ lại mô hình quản lý; Hoạch định cơ cấu tổ chức nhân sự dài hạn; Lập kế hoạch đào tạo nhân lực, văn hóa doanh nghiệp; Tái cấu trúc nhiệm vụ, quyền hạn, chức năng của HDQT, ban Tổng giám đốc, các phòng ban; Tăng cường vai trò và trách nhiệm người đứng đầu, ban kiểm soát; Lập quy chế quản trị nhận sự ngắn và dài hạn

- Về hệ thống quản trị:

+ Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con trong việc quản lý hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

+ Tăng cường hoạt động của Ban kiểm soát, nâng cao trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát để hỗ trợ Hội đồng quản trị vận hành tốt hơn, giúp Hội đồng quản trị ra quyết định dựa trên thông tin hiệu quả được xoay quanh các lĩnh vực kiểm soát chính: Chiến lược, phân bổ vốn, quản lý nhân sự và quản lý hiệu quả hoạt động.

- + Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro.
- + Phân bổ vốn theo chiến lược và đặt mục tiêu giám sát quản lý hiệu quả.
- + Phân cấp trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng của các cấp trong Công ty, củng cố các hoạt động chức năng của các phòng ban phù hợp với tình hình thực tế.
- + Hoàn chỉnh các quy chế, quy định quản lý đảm bảo cho công tác quản lý điều hành, kiểm tra kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực.

- Về thị trường và dòng sản phẩm:

- + Xây dựng nền tảng hướng tới mục tiêu trong các năm tới giảm dần tỷ trọng sản phẩm truyền thống, tăng dần tỷ trọng sản phẩm cốt lõi và công nghiệp phụ trợ
- + Nâng dần tỷ trọng hàng **chế tạo cơ khí xuất khẩu**
- + Nâng dần tỷ trọng sản phẩm **chế tạo, dịch vụ bảo hành bảo trì**, giảm dần tỷ trọng xây lắp
- + Xây dựng dòng sản phẩm chuyên môn cho từng nhà máy
- + Xây dựng thị trường trọng tâm bao gồm: Chế tạo và lắp đặt hệ thống ống khói, xử lý nước và lưu huỳnh trong các nhà máy nhiệt điện; Các dự án hóa chất, dầu khí, lọc dầu, giấy, chế biến thực phẩm; Các công trình ngành giao thông (cầu thép).

IV. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị.

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

1. Ông Phan Kim Lâm- Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông: Nguyễn Tiến Thành - Thành viên Hội đồng quản trị (tại Đại hội đồng cổ đông năm 2011 kiêm Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/09/2011)
3. Ông Phạm Công Hoan - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty
4. Ông Đỗ Kim Bằng - Thành viên Hội đồng quản trị (tại Đại hội đồng cổ đông năm 2010)
5. Ông Đinh Tiến Thành - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc TT Tư vấn thiết kế, CN

Công ty CP LILAMA3.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông: Phan Kim Lâm	Chủ tịch HĐQT	967.100	18,78%	102.298	3,93%	
2	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc	824.000	16%	77.301	1,50%	

3	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	772.500	15%	77.648	1,51%	
4	Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT	0	0%	9.174	0,18%	
5	Ông Đỗ Kim Bằng	Thành viên HĐQT	0	0%	1.000	0,02%	

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không

Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): Không

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết đã ban hành. Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015 của hầu hết các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận... đã không đạt được mà Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã đề ra.

Trong năm 2015, HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 3 đã tiến hành các cuộc họp hàng quý, họp bất thường với sự tham gia đầy đủ các thành viên Hội đồng quản trị và triển khai lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản và đã ra một số nghị quyết nhằm có những chỉ đạo kịp thời về các nội dung sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	09/3/2015	Xem xét kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015
2	02/QĐ- HĐQT	21/3/2015	Kiểm điểm Kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/ 2015 và kế hoạch Quý II/2015; Thông qua các nội dung trình ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2015.
3	04/BB- HĐQT	21/4/2015	Chuyển nhượng TS gắn liền với đất thuê dự án Nhà Máy chế tạo cơ khí 6000 tấn/năm tại lô 24-25 KCN Quang Minh- Mê Linh- HN.
4	05/BB- HĐQT	7/5/2015	Về việc niêm yết cổ phiếu Công ty CP LILAMA 3 trên sàn Upcom
5	06/NQ- HĐQT	11/5/2015	Niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ Phần LILAMA 3 trên sàn UpCom.
6	06/BB- HĐQT	21/5/2015	Sử dụng tài sản của Công ty để cầm cố thế chấp, đảm bảo cho nghĩa vụ của công ty trong việc vay vốn, thực

			hiện bảo lãnh, cầm cố thế chấp tài sản tại NH BIDV
7	07/NQ- HĐQT	1/6/2015	Sử dụng tài sản của Công ty để cầm cố thế chấp, đảm bảo cho nghĩa vụ của công ty trong việc vay vốn, thực hiện bảo lãnh, cầm cố thế chấp tài sản tại NH BIDV
8	07/BB- HĐQT	1/6/2015	- Phương án xử lý 1.750 tấn bán thành phẩm Hợp đồng Gia công chế tạo kết cấu thép sàn nâng tàu- Dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco- Vinaline. - Việc thoái vốn đầu tư của Công ty cổ phần LILAMA 3 tại các công ty con. - Xem xét kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2015 và việc xây dựng lại quỹ lương khoán cho các phòng ban.
9	08/NQ- HĐQT	1/6/2015	Phương án xử lý 1.750 tấn bán thành phẩm Hợp đồng Gia công chế tạo kết cấu thép sàn nâng tàu- Dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nosco- Vinaline.
10	09/NQ- HĐQT	1/6/2015	Xây dựng và trình HĐQT xem xét và thông qua phương án và lộ trình thoái vốn đầu tư của Công ty Cổ Phần LILAMA 3 tại LILAMA 3.3 và LILAMA 3.4
11	08/BB- HĐQT	12/6/2015	Trách nhiệm cá nhân và phương hướng giải quyết các thành viên HĐQT Công ty CP LILAMA 3 trong vấn đề cho LILAMA 3.4 mượn và cho thuê tài sản thế chấp ngân hàng TPCP Công thương và NH BIDV.
12	09/BB- HĐQT	16/6/2015	Bàn về trách nhiệm cá nhân các thành viên có liên quan về việc cho LILAMA 3.4 mượn và cho thuê tài sản thế chấp ngân hàng và công tác quyết toán Bạch Hạc.
13	10/BB- HĐQT	19/6/2015	- Kiểm điểm Kết quả sản xuất kinh doanh Quý II/ 2015 và kế hoạch Quý III/2015; - Tình hình triển khai thực hiện việc chuyển nhượng nhà máy chế tạo cơ khí Quang Minh; - Phương án thuê Văn Phòng Công ty tại nội thành Hà Nội; - Công tác quyết toán dự án nhà máy Đóng tàu Bạch Hạc; - Công tác đối chiếu công nợ với công ty Cổ Phần LILAMA 3.3 và LILAMA 3.4, thu hồi công nợ cá nhân của LILAMA 3.4 và thu hồi tài sản của LILAMA 3 cho LILAM 3.4 mượn.

14	11/BB-HĐQT	29/6/2015	Xem xét phương án xử lý nợ và thoái vốn của LILAMA 3 tại LILAMA 3.4.
15	12/BB-HĐQT	14/7/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm điểm kết quả chỉ đạo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam về việc thực hiện công tác thu hồi tài sản và thoái vốn tại công ty cổ phần LILAMA 3.3 và LILAMA 3.4 theo biên bản họp ngày 10/6/2015. - Làm rõ nội dung công văn số 32-cv-LILAMA 3.4 ngày 5/7/2015 về phương án xử lý nợ và cơ cấu vốn.
16	13/BB-HĐQT	17/7/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lại việc thực hiện theo nội dung biên bản họp giữa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Công ty Cổ phần LILAMA 3 ngày 10/6/2015, các biên bản họp số 08,09,10 – BB họp HĐQT Công ty Cổ phần LILAMA 3 và thông báo của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3 ngày 1/7/2015 về việc yêu cầu Người đại diện phần vốn tại công ty cổ phần LILAMA 3.4 tìm mọi biện pháp để thu hồi tài sản của LILAMA 3 hiện đang thế chấp vay vốn ngân hàng tại Nhà xưởng, Cây xăng Bến Gót và tại trụ sở 927 Đại Lộ Hùng Vương, Thành Phố Việt Trì. - Xem xét xây dựng phương án đơn giá tiền lương năm 2015 của Công ty Cổ phần LILAMA 3. - Xem xét phê duyệt đơn vị kiểm toán soát xét chi phí đầu tư XDCB của dự án Đầu tư nhà máy chế tạo cơ khí đóng tàu Bạch Hạc
17	14/BB-HĐQT	4/8/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục phương án xử lý tài sản đảm bảo của Công ty CP LILAMA 3 hiện LILAMA 3.4 đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng và một số nội dung liên quan đến kế hoạch tái cơ cấu của Tổng công ty lắp máy Việt Nam. - Việc gia hạn và ký lại hợp đồng thuê đất với phần diện tích đất thuê tại Việt Trì, Phú Thọ
18	15/BB-HĐQT	1/9/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án xử lý cũng như xem xét trách nhiệm tập thể và các cá nhân có liên quan đến việc thế chấp tài sản vay vốn ngân hàng TMCP Công thương Nam Việt Trì. - Việc bàn giao tài sản trên thửa đất số 47, tờ bản đồ số C9 tại phố Hồng Hà, phường Bến Gót, thành phố Việt

			Tri, Phú Thọ cho Cục thi hành án Phú Thọ để đảm bảo việc thi hành án là bắt buộc theo thông báo của Cục thi hành án.
19	10/NQ-HĐQT	3/10/2015	Bàn giao tài sản, phương án xử lý và trách nhiệm của các cá nhân có liên quan trong việc bàn giao tài sản trên thửa đất số 47, tờ bản đồ số C9 tại phố Hồng Hà, phường Bến Gót, Việt Trì, Phú Thọ theo yêu cầu của Cục thi hành án tỉnh Phú Thọ)
20	16/BB-HĐQT	18/9/2015	Phương án đề xuất của Ban Tổng giám đốc về việc xử lý tài sản của Công ty Cổ phần LILAMA 3.4;

1.3. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không
 Trong năm 2015, không có thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty.

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát của Công ty:

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức ngày 27/04/2015 đã xem xét biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với Ông Hà Thanh Phú và bầu cử bổ sung 01 thành viên BKS (Ông Hoàng Văn Minh), đảm bảo số thành viên BKS là 03 thành viên bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % nắm giữ
Ông Tô Phi Sơn	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Hoàng Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát		
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên Ban kiểm soát		

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015 như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao năm 2015
1	Tô Phi Sơn	Trưởng ban Kiểm soát	13.800.000
2	Ông Hoàng Văn Minh	TV Ban kiểm soát	0
3	Trần Quốc Hùng	TV Ban kiểm soát	0
	Tổng cộng:		13.800.000

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015 như sau:

- Kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ;
 tình hình thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác trong năm 2015.
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2015.
- Nhận xét đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 và thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị, kết luận của Ban kiểm soát trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu về Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh do Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 sau khi được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm Toán Việt Nam (AVA).

Năm 2015, một số dự án gián đoạn dừng thi công đã khởi động lại tuy nhiên các công trình thi công hoàn thành chậm nghiệm thu, quyết toán, thu hồi vốn với Chủ đầu tư. Mặt khác, do ảnh hưởng của đầu tư xây dựng cơ bản các dự án không tương ứng với vốn tự có, sản phẩm đầu ra từ các dự án được đầu tư không mang lại hiệu quả như mong muốn; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác kinh doanh thua lỗ mất hoàn toàn vốn chủ sở hữu cùng với ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất vay vốn ngân hàng và các tổ chức khác trong khi các chủ đầu tư chậm thanh toán khối lượng hoàn thành, công ty phát sinh vay vốn lớn với chi phí lãi vay là 33,173 tỷ đồng chiếm 20,3% doanh thu, giá trị hàng tồn kho lớn 217,347 tỷ đồng chiếm 33,9 % tổng giá trị tài sản, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa quyết toán 128,752 tỷ đồng chiếm 20,1% tổng giá trị tài sản năm 2015 làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do đó các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong năm 2015 của Công ty đều không đạt kế hoạch so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã đề ra cho năm 2015.

Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2015: Căn cứ Báo cáo kiểm toán số: 1475/BCTC/TC ngày 30 tháng 03 năm 2016 của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA). Ban kiểm soát đã thẩm định và báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2015.

Kế hoạch kiểm soát năm 2016 của Ban kiểm soát

Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2016, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 1 tuần.

Nhiệm vụ cụ thể:

a. Quý I năm 2016:

- Xem xét các Báo cáo tài chính năm 2015;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành ;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b. Quý II năm 2016:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2016;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các vấn đề khác.

c. Quý III năm 2016:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2015;
- Xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng;
- Các vấn đề khác.

d. Quý IV năm 2016:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2016 và ước thực hiện cả năm 2016;
- Tình hình xử lý các vấn đề tồn tại;
- Các vấn đề khác.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 dự kiến sẽ được tổ chức vào Tháng 5/2016.

Thù lao của Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký HĐQT sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua như sau :

STT	Thành viên HĐQT/ thành viên/ Kiểm soát	Hệ số
1	Thành viên HĐQT, Trưởng BKS (05 người):	2,0 lần Lương tối thiểu/1 tháng
2	Thành viên Ban kiểm soát	1,5 lần Lương tối thiểu/1 tháng
3	Thư ký	1,0 lần Lương tối thiểu/1 tháng

Trường hợp Chủ tịch HĐQT chuyên trách công tác sẽ không hưởng thù lao hàng tháng mà thực hiện chi trả trong phạm vi Quỹ lương kế hoạch năm 2016 được xây dựng về chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty nhà nước.

b. Giao dịch cổ phiếu với cổ động nội bộ: Không

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ động nội bộ: Không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty tiếp tục chỉ đạo xây dựng đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2016-2018, tầm nhìn đến năm 2020.
- Công ty cần có biện pháp đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các công trình, nhất là các khoản nợ đọng, các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản nợ tạm ứng nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Công ty cần đẩy nhanh thi công, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán, giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, tăng vòng quay vốn lưu động nhằm giảm khả năng thanh toán.
- Công ty cần tập trung chỉ đạo công tác quyết toán khoán của đơn vị, đẩy mạnh công tác khoán tới từng đơn vị, xí nghiệp, tổ, đội công trình. Xây dựng quy chế khoán phù hợp với thời điểm hiện nay.
- Công ty cần tập trung quyết toán dứt điểm Dự án nhà máy chế tạo cơ khí và Đóng tàu Bạch hạc.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cần phải đầu tư nhiều hơn cho việc phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh trong năm tới, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh trong tình hình xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

- Trong công tác lập báo cáo tài chính, tổ chức đại hội đồng cổ đông đề nghị công ty cần thực hiện theo đúng thời gian quy định tại điều lệ của Công ty, ủy ban chứng khoán cũng như theo yêu cầu về thời gian nộp báo cáo của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
- Xây dựng đơn giá tiền lương năm 2016 phù hợp, đúng quy định hiện hành. Chi phí tiền lương phải gắn liền với hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác kế hoạch, dự báo, hợp định kỳ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch kỳ tới nhằm chỉ đạo kịp thời thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mà Đại hội cổ đông đã thông qua

V. Báo cáo tài chính

- Đơn vị kiểm toán độc lập

Tên công ty	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam
Tên viết tắt	AVA
Người đại diện	Thạc sỹ Nguyễn Minh Hải - Giám đốc
Trụ sở	Tầng 14 Tòa nhà HH3, KĐT Mễ Đình – Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	04. 38689566/588
Fax	04. 3 8686248
Website	Kiemtoanava.com.vn
Email	ava@kiemtoanava.com.vn

- Báo cáo tài chính năm 2015 bao gồm:

+ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán được đăng tải trên website <http://lilama3.vn/> của Công ty

+ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán được đăng tải trên website <http://lilama3.vn/> của Công ty.

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 1475 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần LILAMA 3

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3, được lập ngày 30/03/2016, từ trang 11 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm 2015 Công ty chưa ghi nhận đủ chi phí dự phòng phải thu khó đòi (khoảng 11,7 tỷ đồng) vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Nếu ghi nhận đầy đủ thì kết quả kinh doanh sẽ lỗ thêm một khoản là 11,7 tỷ đồng.

Trong năm 2015, Căn cứ vào tính hình thực tế của dự án công ty đã ký với nhà thầu Shingdong, Ban giám đốc công ty cho rằng hợp đồng đã bị hủy không thực hiện, theo đó đã quyết định ghi giảm doanh thu và giá vốn đã ghi nhận từ năm 2011 với giá trị lần lượt là: doanh thu 56.290.710.000 đồng, giá vốn 45.724.943.733 đồng mà không thực hiện hồi tố Báo cáo tài chính các năm 2011, 2012, 2013, 2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần LILAMA 3 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ lũy kế hơn 118,7 tỷ đồng của Công ty tại ngày 31/12/2015 (chủ yếu là do chi phí lãi vay...); kế hoạch bổ sung vốn từ năm 2013 đến nay chưa thực hiện được. Những sự kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VII.4 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này

LÊ NGỌC KHUÊ

P. Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số : 0665- 2014 - 126 - 1

TỔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số : 0060 - 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		407,067,789,453	483,188,837,671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	3,278,004,318	5,705,656,893
1. Tiền	111		2,278,004,318	4,205,656,893
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	1,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142,718,570,501	191,776,449,679
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	119,406,735,830	161,377,173,031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6,756,634,906	8,248,230,361
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	880,553,415
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	28,300,856,005	28,059,070,268
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(11,745,656,240)	(6,788,577,396)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	253,654,725,433	279,078,070,013
1. Hàng tồn kho	141		253,692,279,461	279,115,624,041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(37,554,028)	(37,554,028)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,416,489,201	6,628,661,086
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	1,928,062,155
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,362,039,455	1,244,609,218
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		54,449,746	3,455,989,713
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		267,928,203,002	295,241,550,250
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	14,477,329,871
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	14,477,329,871
II. Tài sản cố định	220		134,963,770,671	147,048,138,728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	134,956,625,910	147,029,876,024
- Nguyên giá	222		213,706,541,800	214,924,465,534
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(78,749,915,890)	(67,894,589,510)
2. Tài sản cố định vô hình	227		7,144,761	18,262,704
- Nguyên giá	228		135,265,000	135,265,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(128,120,239)	(117,002,296)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		128,809,348,237	128,865,955,794
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	128,809,348,237	128,865,955,794

V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.08	4,155,084,094	4,850,125,857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4,155,084,094	4,850,125,857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		674,995,992,455	778,430,387,921

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		718,065,373,412	768,586,094,359
I. Nợ ngắn hạn	310		572,238,728,163	535,351,868,336
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	97,288,309,475	115,368,386,626
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	21,478,688,700	34,074,481,441
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	21,579,111,377	21,941,050,626
4. Phải trả người lao động	314		13,759,289,166	11,488,947,494
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	11,906,001,779	16,499,196,956
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	81,087,950,954	71,509,953,785
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	325,048,003,401	264,376,038,097
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		91,373,311	93,813,311
II. Nợ dài hạn	330		145,826,645,250	233,234,226,023
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	145,815,393,363	233,222,974,136
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11,251,887	11,251,887
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(43,069,380,957)	9,844,293,562
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(43,069,380,957)	9,844,293,562
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51,500,000,000	51,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51,500,000,000	51,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14,250,000,000	14,250,000,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7,522,993,188	7,522,993,188
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		319,065,349	319,065,349
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(118,790,082,585)	(70,993,610,669)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(68,616,782,695)	(33,435,720,292)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(50,173,299,890)	37,557,890,377
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2,128,643,091	7,245,845,694
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		674,995,992,455	778,430,387,921

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn (*)

Người lập biểu

Ninh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành

Mê Linh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	218,739,843,035	218,668,720,768
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		218,739,843,035	218,668,720,768
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	212,741,365,687	190,024,206,534
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,998,477,348	28,644,514,234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	262,528,657	722,992,147
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	37,466,209,291	49,932,498,782
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36,470,688,394	49,530,591,017
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		665,480,487	641,130,519
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20,341,510,353	17,434,200,305
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(52,212,194,126)	(38,640,323,225)
12. Thu nhập khác	31	VI.05	23,390,923,817	3,313,261,646
13. Chi phí khác	32	VI.06	24,092,404,210	2,065,220,488
14. Lợi nhuận khác	40		(701,480,393)	1,248,041,158
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(52,913,674,519)	(37,392,282,067)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	70,426,822
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(52,913,674,519)	(37,462,708,889)
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(50,173,299,890)	(37,557,890,377)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2,740,374,629)	95,181,488
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(9,742)	(7,293)
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(9,742)	-

Người lập biểu

Ninh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành

Mê Linh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế		01	(52,913,674,519)	(37,392,282,067)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định		02	11,928,862,027	13,318,762,528
- Các khoản dự phòng		03	4,957,078,844	1,602,353,476
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		04	401,871,060	(151,874,778)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		05	(3,394,928,820)	(1,222,148,208)
- Chi phí lãi vay		06	36,470,688,394	49,530,591,017
- Các khoản điều chỉnh khác		07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	(2,550,103,014)	25,685,401,968
- Tăng, giảm các khoản phải thu		09	55,862,239,935	26,965,468,471
- Tăng, giảm hàng tồn kho		10	25,423,344,580	(7,739,507,585)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		11	(28,751,354,981)	33,807,457,477
- Tăng, giảm chi phí trả trước		12	2,623,103,918	2,702,854,608
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả		14	(28,341,470,856)	(43,855,664,242)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(5,491,721)	(448,544,530)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	(3,120,986,749)	(4,308,262,496)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	21,139,281,112	(21,121,733,272)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		21	(155,045,455)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22	3,304,000,000	2,180,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	-	680,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26	-	-

			-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,727,238	169,209,604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			3,168,681,783	3,029,209,604
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		183,101,724,376	152,994,845,090
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(209,837,339,846)	(142,150,159,313)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(17,749,265)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			(26,735,615,470)	10,826,936,512
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2,427,652,575)	(7,265,587,156)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,705,656,893	12,971,244,049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3,278,004,318	5,705,656,893

Người lập biểu

Ninh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phạm Công Hoan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Thành

Mê Linh, ngày 29 tháng 03 năm 2016

2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 3 được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Xây dựng số 3 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ- BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22/6/2006. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 2600104526 ngày 08/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay thế cho đăng ký kinh doanh đã cấp. Trụ sở chính của Công ty tại Lô 24+25 Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, que hàn, đá,...)
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc;
- Tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng (nhà ở,...) giao thông (nền đường giao thông, cầu, cống bê tông, chế tạo và lắp đặt kết cấu thép cho các công trình giao

thông); công trình thủy lợi (kênh, mương, đê, kè, trạm bơm thủy lợi vừa và nhỏ); các công trình quốc phòng; đường điện và trạm biến thế;

- Trang trí nội thất công trình;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan, và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy (theo tuyến cố định và theo hợp đồng); Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường bộ, đường thủy..

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 03 Công ty con, 02 Đơn vị hạch toán phụ thuộc, cụ thể như sau:

Các Công ty con

- Công ty Cổ phần Lilama 3.3
- Công ty cổ phần Lilama 3.4
- Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Xí nghiệp Lilama 3.3
- Trung Tâm tư vấn Thiết kế

4. Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh toàn bộ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các Đơn vị được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2015	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty mẹ</i>				
Công ty Cổ phần Lilama 3	Hà Nội	100,0%	51.500.000.000	Xây lắp
<i>Các Công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Lilama 3.3	Hà Nội	79,48%	4.845.000.000	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 3.4	Phú Thọ	59,36%	2.990.000.000	Xây lắp
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Hà Nội	51,00%	5.814.000.000	Dịch vụ

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 và Thông tư 202 thay thế cho các quy định về

chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và một phần Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và dòng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm và được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết

quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi cho vay, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, thông báo chi trả cổ tức, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại mục VII.2 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng			
1. Tiền		31/12/2015	01/01/2015		
- Tiền mặt		430,030,938	647,407,532		
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1,847,973,380	3,558,249,361		
- Các khoản tương đương tiền		1,000,000,000	1,500,000,000		
Cộng		3,278,004,318	5,705,656,893		
2. Phải thu khách hàng		31/12/2015	01/01/2015		
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn					
- Công ty Cổ Phần TCE Vina DENIM		19,276,000,000	13,154,159,955		
- SHINDONG DIGITECH.,LTD		-	13,543,074,209		
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam		-	50,856,070,594		
- Viện nghiên cứu thiết kế ĐL Quảng Đông		21,491,049,541	-		
- Công ty Hansol EME Co - Văn Phòng Tuyên Quang		9,688,423,660	20,591,969,418		
- L.V.Technology Public Company Limited		458,511,619	676,311,619		
- Các khách hàng khác		68,492,751,010	62,555,587,236		
Cộng		119,406,735,830	161,377,173,031		
3. Phải thu khác		31/12/2015	01/01/2015		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
a) Ngắn hạn	28,300,856,005	-	28,059,070,268	-	
- Phải thu khác	18,398,807,217	-	19,071,322,507	-	
- Tạm ứng	9,565,879,664	-	8,459,809,422	-	
- Ký quỹ, ký cược	336,169,124	-	527,938,339	-	
Cộng	28,300,856,005	-	28,059,070,268	-	
4. Nợ xấu		31/12/2015	01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán					
Phải thu khách hàng	18,781,671,327	7,036,015,087	17,907,057,201	11,118,479,805	
- BQL dự án Hangar 76 Nội Bài	712,934,096	-	712,934,096	-	
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5,283,708,000	4,226,966,400	5,283,708,000	4,755,337,200	
- Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	1,027,882,745	308,364,823	1,027,882,745	616,729,647	
- Khách hàng khác	11,757,146,486	2,500,683,864	10,882,532,360	5,746,412,958	
Cộng	18,781,671,327	7,036,015,087	17,907,057,201	11,118,479,805	
5. Hàng tồn kho		31/12/2015	01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
- Hàng mua đang đi đường			1,052,591,100		
- Nguyên liệu, vật liệu	6,181,144,908	-	42,490,035,211	-	
- Công cụ, dụng cụ	193,563,565	-	196,291,323	-	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	243,055,807,442	-	229,684,037,029	-	
- Hàng Hóa	4,261,763,546	(37,554,028)	5,692,669,378	(37,554,028)	
Cộng	253,692,279,461	(37,554,028)	279,115,624,041	(37,554,028)	
6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	107,629,400,383	76,158,809,827	30,130,145,580	1,006,109,744	214,924,465,534
Số tăng trong kỳ	-	-	88,345,455	66,700,000	155,045,455

- Mua trong năm	-	-	88,345,455	66,700,000	155,045,455
Số giảm trong kỳ	457,326,134	-	915,643,055	-	1,372,969,189
- Thanh lý, nhượng bán	457,326,134	-	915,643,055	-	1,372,969,189
Số dư cuối kỳ	107,172,074,249	76,158,809,827	29,302,847,980	1,072,809,744	213,706,541,800
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	17,969,114,305	23,209,952,027	25,962,537,768	752,985,410	67,894,589,510
Số tăng trong kỳ	5,003,199,039	5,099,930,826	1,709,652,592	104,961,627	11,917,744,084
- Khấu hao trong kỳ	5,003,199,039	5,099,930,826	1,709,652,592	104,961,627	11,917,744,084
Số giảm trong kỳ	325,233,021	-	737,184,683	-	1,062,417,704
- Thanh lý, nhượng bán	325,233,021	-	737,184,683	-	1,062,417,704
Số dư cuối kỳ	22,647,080,323	28,309,882,853	26,935,005,677	857,947,037	78,749,915,890
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	89,660,286,078	52,948,857,800	4,167,607,812	253,124,334	147,029,876,024
Tại ngày cuối kỳ	84,524,993,926	47,848,926,974	2,367,842,303	214,862,707	134,956,625,910
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ HH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:					7,958,355,110 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					28,267,333,888 đồng

7. Tài sản dở dang dài hạn	Giá gốc	31/12/2015	Giá gốc	01/01/2015
		Giá trị có thể thu hồi		Giá trị có thể thu hồi
a) Xây dựng cơ bản dở dang	128,809,348,237	128,809,348,237	128,865,955,794	128,865,955,794
+ Xây dựng cơ bản	128,809,348,237	128,809,348,237	128,865,955,794	128,865,955,794
- Xây dựng biển Quảng cáo	274,336,757	274,336,757	274,336,757	274,336,757
- Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc (*)	122,910,462,821	122,910,462,821	122,925,198,321	122,925,198,321
- Xây dựng xưởng sản xuất bột giấy Yên lập	577,910,298	577,910,298	577,910,298	577,910,298
- Xây dựng nhà máy chế tạo cơ khí, Xã Quang minh VP	3,843,423,349	3,843,423,349	3,843,423,349	3,843,423,349
- Đồ bê tông đối trọng cầu thép	-	-	41,872,057	41,872,057
- Xây dựng hạ tầng khu C1	305,969,811	305,969,811	305,969,811	305,969,811
- Xây dựng nhà điều hành Quang Minh	839,972,474	839,972,474	839,972,474	839,972,474
- Công trình khác	57,272,727	57,272,727	57,272,727	57,272,727
Cộng	128,809,348,237	128,809,348,237	128,865,955,794	128,865,955,794

(*) Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc theo quyết định phê duyệt đầu tư và Tổng dự toán được phê duyệt của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu giai đoạn I và có tính đến giai đoạn II theo quyết định số 140/QĐ- HĐQT ngày 22/10/2009. Tổng mức đầu tư của dự án đối với giai đoạn I là 282.410.719.000 đồng với thời gian thực hiện từ quý IV năm 2008 đến quý III năm 2009. Hiện tại, dự án đang trong giai đoạn quyết toán vốn đầu tư.

8. Chi phí trả trước	31/12/2015		01/01/2015	
a) Ngắn hạn		-		1,928,062,155
- Các khoản khác		-		1,928,062,155
b) Dài hạn		4,155,084,094		4,850,125,857
- Công cụ dụng cụ		4,155,084,094		4,850,125,857
Cộng		4,155,084,094		6,778,188,012

9. Phải trả người bán	Giá trị	31/12/2015	Giá trị	01/01/2015
		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	97,288,309,475	97,288,309,475	115,368,386,626	115,368,386,626
- Công ty CP LILAMA 45.4	2,963,675,461	2,963,675,461	10,124,649,283	10,124,649,283
- Công ty CP Thép Tân Hưng	11,452,855,207	11,452,855,207	11,553,730,476	11,553,730,476
- Công ty cổ phần cơ điện Đại Dĩnh	2,349,995,186	2,349,995,186	23,144,204,700	23,144,204,700

- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON	19,773,908,747	19,773,908,747	7,305,696,531	7,305,696,531
- Công ty TNHH Chồng ăn mòn Hoàng Long	1,375,566,510	1,375,566,510	1,295,566,510	1,295,566,510
- Công ty TNHH Thai DNT Paint MFG	5,634,813,854	5,634,813,854	10,767,037,699	10,767,037,699
- Các đối tượng khác	53,737,494,510	53,737,494,510	51,177,501,427	51,177,501,427
Cộng	97,288,309,475	97,288,309,475	115,368,386,626	115,368,386,626

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21,478,688,700	34,074,481,441
- CRI-Thầu phụ NM Nhiệt Điện Duyên Hải 3 Trà Vinh	-	12,583,587,416
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Dầu khí (PISD)	-	2,040,000,000
- Công ty cổ phần Lisemco	531,757,590	186,505,090
- Công ty HH Tập đoàn Luyện Kim 19 Trung Quốc	2,282,271,800	-
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8/3	663,904,600	663,904,600
- Tổng Công ty CP thương mại xây dựng	2,882,458,062	-
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	11,202,070,880	-
- Viện nghiên cứu thiết kế ĐL Quảng Đông (GED)	-	5,137,343,008
- Các khách hàng khác	3,916,225,768	13,463,141,327
Cộng	21,478,688,700	34,074,481,441

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2015
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	19,111,351,767	9,229,544,913	9,572,864,906	18,768,031,774
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,229,768	-	5,491,721	7,738,047
- Thuế thu nhập cá nhân	2,371,369,904	498,129,872	530,408,127	2,339,091,649
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	445,099,187	204,881,296	185,730,576	464,249,907
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	6,500,000	6,500,000	-
Cộng	21,941,050,626	9,939,056,081	10,300,995,330	21,579,111,377

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trích trước các công trình	11,706,001,779	16,355,510,103
- Trích trước lãi vay	200,000,000	143,686,853
Cộng	11,906,001,779	16,499,196,956

13. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn	81,087,950,954	71,509,953,785
- Kinh phí công đoàn	2,181,294,685	2,100,066,640
- Bảo hiểm xã hội	19,243,087,865	16,248,168,175
- Bảo hiểm y tế	2,199,715,769	2,685,559,256
- Bảo hiểm thất nghiệp	1,883,125,386	1,503,552,738
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	55,580,727,249	48,972,606,976
+ Chi phí D/án nhà ở khu CI	1,101,654,064	1,101,654,064
+ Các đơn vị lẻ ngoài công ty	1,224,003,841	1,224,003,841
+ Đoàn phí công đoàn	1,009,251,895	1,061,264,450
+ Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (lãi vay phải trả)	24,325,245,775	19,409,817,697
+ Xí nghiệp Lắp Máy và CK 3-2	275,200,141	275,200,141
+ Các đối tượng khác	14,904,326,375	12,284,417,606
+ Các khoản phải trả phải nộp khác (đư có TK 141 + TK 1388)	12,741,045,158	13,616,249,177

Cộng				81,087,950,954		71,509,953,785	
		Giá trị	31/12/2015 Số có khả năng trả nợ	Tăng	Trong năm Giảm	Giá trị	01/01/2015 Số có khả năng trả nợ
14. Vay và nợ thuê tài chính							
a) Vay ngắn hạn	325,048,003,401	325,048,003,401	269,526,117,739	208,854,152,435	264,376,038,097	264,376,038,097	
+ Vay ngắn hạn ⁽¹⁾							
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Ba Đình	98,307,333,871	98,307,333,871	138,414,440,926	137,989,523,016	97,882,415,961	97,882,415,961	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- CN Hà Nội	8,325,191,814	8,325,191,814	21,163,552,278	24,483,476,458	11,645,115,994	11,645,115,994	
- Ngân hàng Công thương - CN Quang Minh	958,987,434	958,987,434	-	3,020,977,707	3,979,965,141	3,979,965,141	
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Phú Tho	6,703,897,649	6,703,897,649	-	-	6,703,897,649	6,703,897,649	
- Ngân hàng Công thương - CN Nam Việt Trì	-	-	-	2,254,333,200	2,254,333,200	2,254,333,200	
- Vay cá nhân và các đối tượng khác	1,935,810,000	1,935,810,000	3,496,370,000	3,316,020,000	1,755,460,000	1,755,460,000	
+ Vay dài hạn đến hạn trả							
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đông Đa	-	-	-	655,457,200	655,457,200	655,457,200	
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	208,816,782,633	208,816,782,633	106,451,754,535	37,134,364,854	139,499,392,952	139,499,392,952	
b) Vay dài hạn	145,815,393,363	145,815,393,363	-	87,407,580,774	233,222,974,136	233,222,974,136	
+ Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN- Chi nhánh Đông Đa	-	-	-	983,187,411	983,187,411	983,187,411	
- Tổng Công ty Lắp máy - Công ty TNHH MTV ⁽²⁾	59,391,000,000	59,391,000,000	-	-	59,391,000,000	59,391,000,000	
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) ⁽³⁾	86,424,393,363	86,424,393,363	-	86,424,393,363	172,848,786,725	172,848,786,725	

⁽¹⁾ Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

⁽²⁾ Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc với hình thức vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay được thả nổi theo quy định của Ngân hàng thương mại.

⁽³⁾ Khoản phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 12 tháng 09 năm 2012 ký 3 bên giữa Công ty Cổ phần Lilama 3, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV và Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC), thì lịch trả nợ của Công ty CP Lilama 3 sẽ được cơ cấu lại như sau: số nợ phải trả trong năm 2013, 2014 và 2015 là 139.499.392.952 đồng, số nợ còn lại sẽ được trả trong 02 năm tiếp theo. Tuy nhiên trong số nợ phải trả đến hết năm 2015 theo thỏa thuận thì Công ty CP Lilama 3 mới trả được 37.134.364.854 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2015 số nợ phải trả DATC là: 295.241.175.995 đồng, trong đó nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả là: 86.424.393.363 đồng và 208.816.782.633 đồng

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiết tại phụ lục số 01

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam
- Vốn góp của cổ đông khác

Cộng

	31/12/2015	01/01/2015
	25,630,000,000	26,265,000,000
	25,870,000,000	25,235,000,000
Cộng	51,500,000,000	51,500,000,000

Ngày 09 tháng 2 năm 2015, Bộ Xây Dựng đã có CV số 252/BXD-QLDN v/v: chuyển nhượng một phần vốn của TCT Lắp máy Việt Nam tại Công ty CP Lilama 3. Theo đó trong năm 2015 Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đã chuyển nhượng 63.500 cổ phần của để giảm tỷ lệ sở hữu chi phối 51% xuống dưới chi phối vốn điều lệ tại Công ty CP Lilama 3.

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Vốn góp đầu kỳ
- Vốn góp tăng trong kỳ
- Vốn góp cuối kỳ

	Năm nay	Năm trước
	51,500,000,000	51,500,000,000
	-	-
	51,500,000,000	51,500,000,000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	5,150,000	5,150,000
	5,150,000	5,150,000
	5,150,000	5,150,000
	-	-
	5,150,000	5,150,000
	5,150,000	5,150,000

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

- a) Ngoại tệ các loại
- USD

	31/12/2015	01/01/2015
	2,070.24	8,548

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2015	Năm 2014
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28,169,318,031	9,966,997,066
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	190,570,525,004	208,701,723,702
Cộng	218,739,843,035	218,668,720,768
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	21,220,648,845	5,318,295,755
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	191,520,716,842	184,705,910,779
Cộng	212,741,365,687	190,024,206,534
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90,928,820	169,209,604
Lãi chênh lệch tỷ giá	171,599,837	553,782,543
Cộng	262,528,657	722,992,147
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	36,470,688,394	49,530,591,017
Lỗ chênh lệch tỷ giá	573,470,897	401,907,765
Chi phí tài chính khác	422,050,000	-
Cộng	37,466,209,291	49,932,498,782
5. Thu nhập khác		
- Thu thanh lý tài sản cố định	3,304,000,000	2,373,845,909
- Giá trị thu hồi từ hợp đồng Shinhdong	19,770,999,599	-
- Thu nhập khác	315,924,218	939,415,737

Cộng		23,390,923,817	3,313,261,646
6. Chi phí khác		Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí thanh lý tài sản cố định		-	1,320,907,305
- Tồn thất từ hợp đồng Shingdong		20,222,919,764	
- Chi phí khác		3,869,484,446	744,313,183
Cộng		24,092,404,210	2,065,220,488
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		-	70,426,822
Cộng		-	70,426,822
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(50,173,299,890)	(37,557,890,377)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(50,173,299,890)	(37,557,890,377)
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu		5,150,000	5,150,000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(9,742)	(7,293)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm		-	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu		(9,742)	(7,293)
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		89,493,403,380	77,368,471,234
Chi phí nhân công		63,065,846,524	68,665,933,953
Chi phí khấu hao tài sản cố định		11,928,862,027	13,318,762,528
Chi phí dịch vụ mua ngoài		67,255,678,163	48,305,311,716
Chi phí khác bằng tiền		19,709,572,367	18,487,224,757
Cộng		251,453,362,461	226,145,704,188

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1 Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Đơn vị góp vốn	Doanh thu ghi nhận	7,181,311,441
		Giảm khối lượng doanh thu	(15,060,413,241)
		Thu tiền khối lượng	45,265,338,452
		Bù trừ Công nợ	2,540,745,031
		Bù trừ lãi vay vào giá trị khối lượng phải thu	1,419,067,284

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1 Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	Đơn vị góp vốn	Người mua trả tiền trước	11,202,070,880

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong năm 2015

TT Họ và tên	Chức danh	Tiền Lương	Thù lao
1 Phan Kim Lân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	152,104,409	
2 Nguyễn Tiến Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	144,902,909	
3 Phạm Công Hoan	Thành viên Hội đồng quản trị	116,387,909	

4	Đỗ Kim Bằng	Thành viên Hội đồng quản trị	89,809,091	
5	Đình tiến Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	132,539,342	
6	Tô Phi Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	-	13,800,000
7	Trần Quốc Hùng	Thành viên ban kiểm soát	72,908,129	-
8	Hoàng văn minh	Thành viên ban kiểm soát	26,826,754	-
9	Hoàng Trọng Kim	Thư ký Hội đồng quản trị	29,196,948	-
10	Đoàn Thị Hương Sen	Thư ký Hội đồng quản trị	57,241,936	-
Tổng cộng			821,917,427	13,800,000

3. Báo cáo bộ phận

<i>a) Theo lĩnh vực kinh doanh</i>	Hoạt động xây dựng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	190,570,525,004	28,169,318,031	218,739,843,035
Khấu hao và chi phí phân bổ	211,862,227,195	21,886,129,332	233,748,356,527
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(21,291,702,191)	6,283,188,699	(15,008,513,492)

b) Theo lĩnh vực địa lý

Hiện tại hoạt động chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý được trình bày.

4. Thông tin hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai thi công các công trình như: Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Dự án Nhà máy thép Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3, Công trình Xi măng Thái Nguyên, Công trình Mông Dương 2, Nhà máy gang thép Thái Nguyên, Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Tuy nhiên, số lỗ lũy kế của Công ty là hơn 118,7 tỷ đồng (chủ yếu là do chi phí lãi vay...) đã chiếm 230,66% vốn đầu tư của chủ sở hữu. Công ty đang gặp khó khăn trong vấn đề thu hồi công nợ và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Với thực tế này của Công ty cho thấy tại Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngày 9/11/2015 Cục thuế Hà Nội đã có quyết định số 71870/QĐ-CT-QLN v/v áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 11 năm 2015 đến ngày 12 tháng 11 năm 2016.

5. Thông tin so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Số sau phân loại
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	180,716,475,327	11,059,974,352	130	191,776,449,679
Phải thu ngắn hạn khác	138	16,999,095,916	11,059,974,352	136	28,059,070,268
Tài sản ngắn hạn khác	150	17,688,635,438	(11,059,974,352)	150	6.628,661,086
Tài sản ngắn hạn khác	158	11,059,974,352	(11,059,974,352)	155	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	6,736,831,790	786,161,398	418	7.522,993,188
Quỹ dự phòng tài chính	418	786,161,398	(786,161,398)		-
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	93,131,827,981	(93,131,827,981)		-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	93,131,827,981	429	93,131,827,981

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ninh Thị Vân

Phạm Công Hoan

Nguyễn Tiến Thành

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	51,500,000,000	14,250,000,000	7,522,993,188	319,065,349	(33,547,207,477)	7,262,151,391	47,307,002,451
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	111,487,185	95,181,488	206,668,673
- Tăng khác	-	-	-	-	111,487,185	95,181,488	206,668,673
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	37,557,890,377	111,487,185	37,669,377,562
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	37,557,890,377	111,487,185	37,557,890,377
Số dư cuối năm trước	51,500,000,000	14,250,000,000	7,522,993,188	319,065,349	(70,993,610,669)	7,245,845,694	9,844,293,562
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	2,376,827,974	-	2,376,827,974
- Tăng khác ⁽¹⁾	-	-	-	-	2,376,827,974	-	2,376,827,974
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	50,173,299,890	5,117,202,603	55,290,502,493
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	50,173,299,890	2,740,374,629	52,913,674,519
- Giảm khác ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	2,376,827,974	2,376,827,974
Số dư cuối kỳ	51,500,000,000	14,250,000,000	7,522,993,188	319,065,349	(118,790,082,585)	2,128,643,091	(43,069,380,957)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tăng khác và giảm khác là do trong năm nay theo thông tư 200 thì lợi nhuận sau thuế được phân bổ theo tỷ lệ thực tế góp vốn, kể cả trường hợp lỗ quá vốn nên số lỗ mà công ty mẹ phải chịu giảm đi so đúng bằng lợi ích phân bổ cho cổ đông thiểu số

Mê Linh, ngày 20 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Thành